



Báo cáo cập nhật Vĩ mô

Quý II 2022

Ngày 06/07/22

Trịnh Viết Hoàng Minh
CVPT – Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 3823 4159 - Ext: 352

minhtvh@acbs.com.vn

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ Q2/2022

Chỉ báo vĩ mô Q2/22

GDP	+7,72%
Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	+3,02%
Ngành công nghiệp và xây dựng	+8,87%
Ngành Dịch vụ	+8,56%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	+10,83%
Khai khoáng	+5,02%
Chế biến, chế tạo	+12,31%
Sản xuất và phân phối điện	+4,30%
Cung cấp nước, xử lý rác thải	+6,79%
Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	96.832
Tổng kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)	97.581
Cán cân thương mại (triệu USD)	(750)
FDI giải ngân (triệu USD)	5.640
FDI đăng ký (triệu USD)	4.480
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	+11,71%
CPI	+2,96%
CPI cơ bản	+1,25%

Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao trong Q2/2022, với GDP Q2/2022 tăng 7,72% so với cùng kỳ năm ngoái, tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011 và tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm đạt 6,4%.

Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng cao, trong đó IIP ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong Q2/2022 tăng hơn 10.83% n/n (sv. +12,37% n/n trong Q2/2021). Ngoài ra, chỉ số PMI cũng tiếp tục chỉ báo những dấu hiệu hồi phục trong 3 tháng liên tiếp của Q2/2022 (T4/22 – 51,7; T5/22 – 54,7; T6/22 – 54,0).

Vốn FDI giải ngân cũng được ghi nhận ở mức cao trong Q2/2022 (+9,7% n/n sv. +7,1% n/n trong Q2/2021) chủ yếu nhờ các biện pháp kiểm dịch và giãn cách xã hội được nới lỏng, và các hoạt động sản xuất công nghiệp hồi phục và tăng trưởng. Mặc dù vốn FDI đăng ký trong Q2/2022 chỉ tăng 3,22% n/n (so với -22% n/n trong Q2/2021), chúng tôi duy trì quan điểm lạc quan rằng dòng vốn FDI trong tương lai sẽ vẫn mạnh do Việt Nam vẫn là một điểm đến đầu tư hấp dẫn cho các doanh nghiệp FDI. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, chỉ số CPI Q2/2022 tăng 2,96% n/n, hơi cao một chút do giá xăng dầu tăng cao trong kỳ, nhưng lạm phát trung bình 6T2022 vẫn thấp chỉ tăng khoảng 2,44% so với trung bình cùng kỳ và vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu của chính phủ là 4% và vẫn trong tầm kiểm soát.

Một số rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong những tháng sắp tới của năm 2022, bao gồm:

- (1) FED và các ngân hàng trung ương lớn khác tăng lãi suất. Theo Financial Times, một tạp chí tài chính, các ngân hàng trung ương đang tăng lãi suất nhanh nhất trong đợt thắt chặt chính sách tiền tệ quy mô nhất trong hơn hai thập kỷ, với tổng cộng hơn 60 lần tăng lãi suất từ các ngân hàng trung ương khác nhau trong ba tháng qua;
- (2) Chương trình thắt chặt định lượng (Quantitative Tightening – QT) của FED
- (3) căng thẳng địa chính trị kéo dài tại biên giới Nga-Ukraine làm giá lương thực và xăng dầu tăng chóng mặt;
- (4) Trung Quốc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược không-ca-COVID-19 với việc xét nghiệm hàng loạt và phong tỏa khi các trường hợp lây nhiễm tăng đột biến; và
- (5) lạm phát gia tăng trên bình diện toàn cầu.

Tuy nhiên, mặc dù lo ngại những sự kiện đó có thể làm giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những quý sắp tới của năm 2022, chúng tôi vẫn duy trì kỳ vọng rằng tốc độ tăng trưởng GDP sẽ dần phục hồi trong hai quý cuối năm 2022 với sự hỗ trợ:

- (1) tất cả các hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, qua đó sẽ thúc đẩy các hoạt động từ khu vực FDI về mặt đầu tư và xuất khẩu;
- (2) Việt Nam nổi lên như một trung tâm sản xuất công nghiệp thay thế nhằm bù đắp sản lượng mất mát, do chiến lược không-ca-COVID-19 của Trung Quốc, tiếp tục thúc đẩy phục hồi các hoạt động sản xuất công nghiệp; và
- (3) sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành dịch vụ sau khi được phép mở cửa lại các loại hình kinh doanh dịch vụ đến từ (1) cải thiện nhu cầu tiêu dùng nội địa sau khi dịch COVID-19 kiểm soát, (2) mở cửa các hoạt động du lịch quốc tế và (3) và các hoạt động giao thông vận tải trở lại vận hành bình thường giúp thúc đẩy hoạt động thương mại, đặc biệt là xuất khẩu từ khu vực FDI.

Ngoài ra, gói hỗ trợ tài khóa, tiền tệ ước tính khoảng 337 nghìn tỷ đồng (291 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tài khóa và 46 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tiền tệ), để hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau dịch COVID-19 sẽ được giải ngân bắt đầu từ Q2/2022, cùng với hơn 382 nghìn tỷ đồng (trong tổng số 530 nghìn tỷ đồng) vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cần giải ngân từ đây tới cuối năm 2022 sẽ thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong ba quý cuối năm 2022.

Nhìn chung, chúng tôi nâng quan điểm nền kinh tế của Việt Nam sẽ tăng trưởng tốt trong khoảng 7.1% - 10.4% trong 6 tháng cuối năm 2022 và 6,8% - 8,5% trong năm 2022.

Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao trong Q2/2022 nhờ sự hồi phục mạnh mẽ từ ngành dịch vụ

- GDP Q2/2022 tăng 7,72% n/n, với:
 - Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,02% n/n trong Q2/2022 (sv. +4,01% n/n trong Q2/2021);
 - Ngành công nghiệp và xây dựng tăng 8,87% n/n trong Q2/2022 (sv. +10,36% n/n trong Q2/2021); và
 - Ngành dịch vụ tăng 8,56% n/n trong Q2/2022 (sv. +4,22% n/n trong Q2/2021).

Hoạt động sản xuất công nghiệp của Việt Nam tiếp tục hồi phục và tăng trưởng trong Q2/2022

- IIP Q2/2022 tăng 10,83% (sv. +12,37% n/n trong Q2/2021), với:
 - IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,31% n/n trong Q2/2022 (sv. +14,84% trong Q2/2021);
 - IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,30% trong Q2/2022 (sv. +12,37% trong Q2/2021);
 - IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,79% n/n trong Q2/2022 (sv. +5,14% trong Q2/2021); và
 - IIP các ngành khai khoáng tăng 5,02% n/n trong Q2/2022 (sv. -3,87% trong Q2/2021).

FDI giải ngân tăng mạnh và FDI đăng ký hồi phục trong Q2/2022

- Vốn FDI giải ngân trong Q2/2022 đạt 5,6 tỷ USD (+9,7% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong Q2/2022 tăng 3,2% so với cùng kỳ, đạt 4,5 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần vẫn giảm 20% n/n, đạt 640 triệu USD
- Top 3 đối tác đầu tư vốn FDI vào Việt Nam trong Q2/2022 gồm Singapore (3,6 tỷ USD, -32,5% n/n), Hàn Quốc (2,4 tỷ USD, +42,6% n/n) và Đan Mạch (1,3 tỷ USD, +11x n/n).
- Top 3 lĩnh vực thu hút FDI gồm lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút hơn 3,4 tỷ USD vốn đăng ký trong 2Q2022, lĩnh vực bất động sản chiếm 329 triệu USD và lĩnh vực sản xuất và phân phối điện, khí, nước, điều hòa chiếm 294 triệu USD.

Tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh

- Hoạt động XNK tiếp tục duy trì ổn định trong Q2/2022 do tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ổn định. Cụ thể, theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch XNK tăng 18,8% n/n trong Q2/2022 (so với +40,2% n/n trong Q2/2021), với xuất khẩu trong Quý 2/2022 đạt 96,9 tỷ USD (+21,2% YoY), trong khi nhập khẩu đạt 97,5 tỷ USD (+16,4% n/n), dẫn đến thâm hụt thương mại là 573 triệu USD trong Q2/2022.
- Nhìn chung, theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch XNK trong 6T2022 đạt 371,2 tỷ USD (+16,8% n/n) với xuất khẩu đạt 185,9 tỷ USD (+17,4% n/n) trong khi nhập khẩu đạt 185,2 tỷ USD (+16,3% n/n). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại tổng cộng 710 triệu USD trong năm 6T2022.

Lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, và thấp so với mục tiêu lạm phát 4% của chính phủ

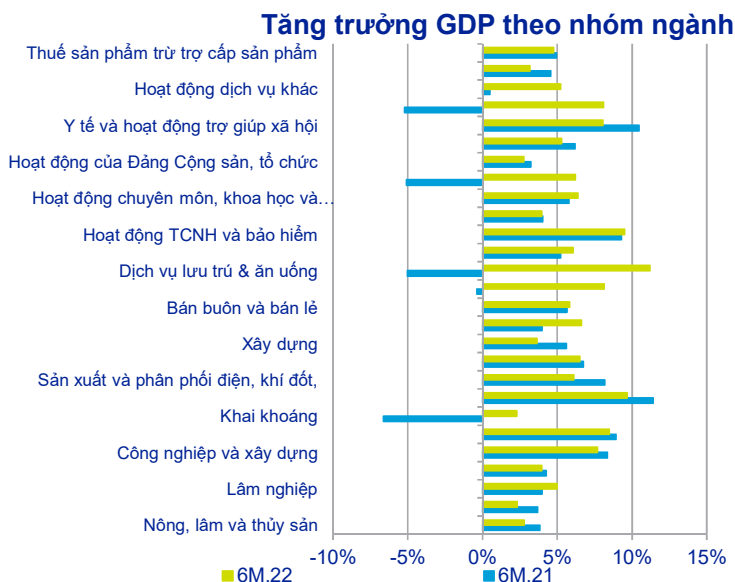
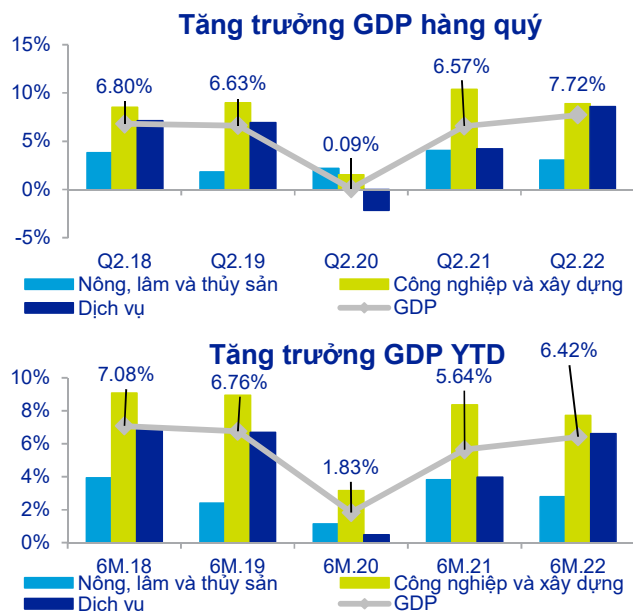
- Chỉ số CPI Q2/2022 tăng 2,96% n/n.
- Nhìn chung, chỉ số lạm phát cơ bản bình quân 6T2022 tăng 2,44% so với trung bình cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, CPI cơ bản trung bình 6T2022 tăng 1,25% so với cùng kỳ.



GDP

Nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong Q/2022 nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của ngành dịch vụ

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự phục hồi trong Q2/2022 với tăng trưởng GDP đạt 7,72% trong Q2/2022 so với Q2/2021 (sv. +6,57% trong Q2/21). Tốc độ tăng trưởng GDP của ngành dịch vụ, động lực tăng trưởng chính GDP trong Q2/2022, ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất nhờ nới lỏng các biện pháp kiểm dịch COVID-19 & sự hồi phục mạnh mẽ các hoạt động dịch vụ và ghi nhận mức tăng 8,56% n/n trong Q2/2022 (sv. +4,22% n/n trong Q2/21). Bên cạnh đó, ngành công nghiệp và xây dựng cũng tiếp tục hồi phục lại mức tăng trưởng trước dịch và ghi nhận tăng trưởng 8,87% n/n trong Q2/2022 (sv. +10,36% n/n trong Q2/21).



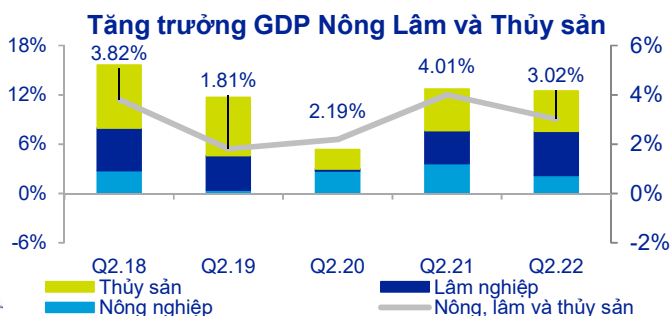
Nguồn: Tổng cục thống kê

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng trong Q2/2022, tăng 3,02% trong.

Ngành nông nghiệp ghi nhận mức tăng chậm lại, tăng 2,22% n/n (sv +3,67% trong Q2/21) chủ yếu do năng suất lúa năng suất lúa gạo trong vụ Đông-Xuân giảm do thời tiết không thuận lợi cộng với diện tích gieo cấy lúa giảm (giảm 1,9 tạ/ha so với vụ trước). Bên cạnh đó, nông dân hạn chế sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật do giá cao cũng khiến năng suất lúa và các loại cây lâu năm giảm. Ngoài ra, chăn nuôi tiếp tục phục hồi nhưng gặp khó khăn do giá thức ăn chăn nuôi tăng cao.

Ngành lâm nghiệp cũng ghi nhận mức tăng 5,36% n/n trong Q2/2022 (sv. +4,01% n/n trong Q2/21), phần lớn do thời tiết thuận lợi cho việc trồng và chăm sóc cây gỗ, và hoạt động sản xuất xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ tiếp tục hồi phục (+10,3% n/n trong Q2/22 sv. +6,7% n/n trong Q2/21) và hoạt động xuất khẩu ổn định (+2,8% n/n trong Q2/22).

Ngoài ra, ngành thủy sản hồi phục, ghi nhận tăng trưởng 4,89% n/n trong Q2/2022 chủ yếu nhờ nhu cầu tiêu thụ hồi phục và giá cá tra và tôm đạt mức cao nhờ nhu cầu xuất khẩu thủy hải sản tăng (+35,4% n/n trong Q2/22 sv. +17,7% n/n trong Q2/21) và chuỗi cung ứng & kênh phân phối vận hành bình thường trở lại



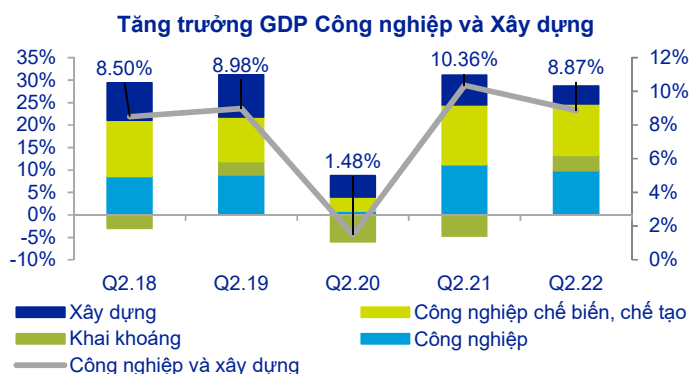
	Q2/2022	Q2/2021	Q2/2020
Nông, lâm và thủy sản	3,02%	4,01%	2,19%
Nông nghiệp	2,22%	3,67%	2,74%
Lâm nghiệp	5,36%	4,01%	0,27%
Thủy sản	4,89%	5,03%	2,32%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Khu vực công nghiệp và xây dựng trong Q2/2022 về cơ bản đã lấy lại đà tăng trưởng, nhờ nền kinh tế mở cửa trở lại và ghi nhận tốc độ tăng trưởng 8,87% YoY trong Quý 2/2022 (so với + 10,36% YoY trong Q2/21).

Động lực tăng trưởng chính của khu vực này, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ lên mức trước dịch, ghi nhận 11,45% YoY trong Q2/22 chủ yếu nhờ việc khởi động lại và phục hồi các hoạt động sản xuất công nghiệp sau khi chuyển từ chiến lược không-ca-COVID-19 sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19 trong các khu vực kinh tế và công nghiệp chính (IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,83% n/n trong Q2/2022) và các hoạt động sản xuất công nghiệp được mở rộng khi Việt Nam nổi lên như một trung tâm sản xuất công nghiệp thay thế nhằm bù đắp sản lượng mất mát, do chiến lược không-ca-COVID-19 của Trung Quốc. Ngoài ra, ngành khai khoáng cũng hồi phục với tốc độ tăng trưởng 3,4% YoY trong Q2/2022.

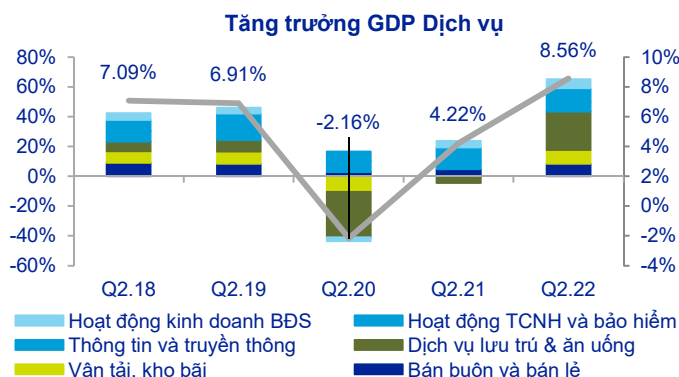
Tuy nhiên, tăng trưởng của ngành xây dựng chậm lại, tăng 3,96% YoY trong Q2/2022.



	Q2/2022	Q2/2021	Q2/2020
Công nghiệp và Xây dựng	8,87%	10,36%	1,48%
Công nghiệp	9,87%	11,18%	0,87%
Khai khoáng	3,40%	-4,68%	-5,94%
Chế biến, chế tạo	11,45%	13,35%	3,16%
Xây dựng	3,96%	6,52%	4,68%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Khu vực dịch vụ cũng phục hồi mạnh mẽ trong Q2/2022 với cơ bản biện pháp giãn cách xã hội được dỡ bỏ, bao gồm cả việc mở cửa trở lại du lịch quốc tế và hoạt động vận chuyển hàng hóa được vận hành bình thường trong Q2/2022. Cụ thể, khu vực dịch vụ ghi nhận tăng trưởng 8,56% n/n trong Q2/2022 với phân ngành dịch vụ lưu trú & ăn uống và phân ngành vui chơi & giải trí tăng mạnh nhất với mức tăng lần lượt 25,92% n/n và 14,01% n/n trong Q2/2022.



	Q2/2022	Q2/2021	Q2/2020
Dịch vụ	8,56%	4,22%	-2,16%
Vận tải, kho bãi	9,37%	-0,11%	-10,43%
Dịch vụ lưu trú & ăn uống	25,92%	-4,47%	-30,55%
TCNH và Bảo hiểm	9,17%	9,50%	6,13%
Vui chơi và giải trí	14,01%	-4,31%	-2,75%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Nhìn chung, GDP 6T2022 tăng 6,42% n/n so với cùng kỳ năm trước (+5,64% n/n trong 6T2021). Trong đó **khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản** tăng trưởng 2,78% n/n trong 6T2022 (so với +3,82% n/n trong 6T2021); **Khu vực công nghiệp và xây dựng** ghi nhận mức tăng trưởng 7,70% n/n trong 6T2022 (so với +8,36% n/n trong 6T2021); và **khu vực dịch vụ** tăng 6,6% n/n trong 6T2022 (so với + 3,96% trong 6T2021).

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi chuyển đổi thành công sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19, kể từ Q4/2021, nền kinh tế Việt Nam cơ bản đã lấy lại đà tăng trưởng và tiếp tục tăng trưởng trong Q2/2022. GDP trong Q2/2022 đạt mức tăng trưởng mạnh mẽ là 7,72% n/n, cao nhất kể từ năm 2011 và cao hơn một chút so với kịch bản tích cực của chúng tôi là 7,2% n/n, được hỗ trợ bởi sự phục hồi mạnh mẽ từ khu vực dịch vụ và sự tăng trưởng của khu vực công nghiệp & xây dựng nhờ hoạt động xuất khẩu tích cực từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

Trong những tháng qua, có một số rủi ro có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam, bao gồm:

- (1) FED và các ngân hàng trung ương lớn khác tăng lãi suất. Theo Financial Times, một tạp chí tài chính, các ngân hàng trung ương đang tăng lãi suất nhanh nhất trong đợt thắt chặt chính sách tiền tệ quy mô nhất trong hơn hai thập kỷ, với tổng cộng hơn 60 lần tăng lãi suất từ các ngân hàng trung ương khác nhau trong ba tháng qua;
- (2) Chương trình thắt chặt định lượng (Quantitative Tightening – QT) của FED
- (3) căng thẳng địa chính trị kéo dài tại biên giới Nga-Ukraine làm giá lương thực và xăng dầu tăng chóng mặt;
- (4) Trung Quốc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược không-ca-COVID-19 với việc xét nghiệm hàng loạt và phong tỏa khi các trường hợp lây nhiễm tăng đột biến; và
- (5) lạm phát gia tăng trên bình diện toàn cầu.

Tuy nhiên, bất chấp lo ngại về những sự kiện trên có thể làm chậm triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong những quý sắp tới của năm 2022, chúng tôi vẫn duy trì kỳ vọng tốc độ tăng trưởng GDP trong ba quý cuối năm 2022 và nâng triển vọng tăng trưởng GDP của Việt Nam với sự hỗ trợ từ:

- (1) Khủng hoảng giá lương thực toàn cầu có thể là cơ hội cho nhiều sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam giành được thị phần xuất khẩu trên toàn cầu, đặc biệt là gạo và các sản phẩm thủy sản. Cụ thể, theo báo cáo thống kê của Bộ Công Thương, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 13,08 tỷ USD trong 5T2022 (+20,3% n/n và bằng 8,5% tổng kim ngạch xuất khẩu). Những điều trên có thể thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong Q3 và Q4.
- (2) tất cả các hoạt động công nghiệp tiếp tục phục hồi và tăng trưởng sau khi chuyển từ chiến lược không-ca-COVID-19 sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19 trong các khu vực kinh tế và công nghiệp lớn cùng với nhu cầu toàn cầu tăng cao sẽ thúc đẩy các hoạt động đầu tư và xuất khẩu từ khu vực FDI.
- (3) sự phục hồi của ngành dịch vụ sau khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng sẽ giúp phần lớn các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ phục hồi nhờ (1) hoạt động tiêu dùng nội địa được cải thiện sau khi COVID-19 được kiểm soát, (2) mở cửa trở lại hoạt động du lịch quốc tế và (3) hoạt động vận chuyển hàng hóa được vận hành bình thường giúp thúc đẩy hoạt động thương mại, đặc biệt là xuất khẩu của khu vực FDI.

Ngoài ra, gói hỗ trợ tài khóa, tiền tệ ước tính khoảng 337 nghìn tỷ đồng (291 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tài khóa và 46 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tiền tệ), nhằm hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau dịch COVID-19 sẽ được giải ngân bắt đầu từ Q2/2022, đặc biệt là gói đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng (113,85 nghìn tỷ đồng), cùng với hơn 337 nghìn tỷ đồng (trong tổng số 530 nghìn tỷ đồng) vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cần giải ngân trong năm 2022 sẽ thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong ba quý cuối năm 2022.

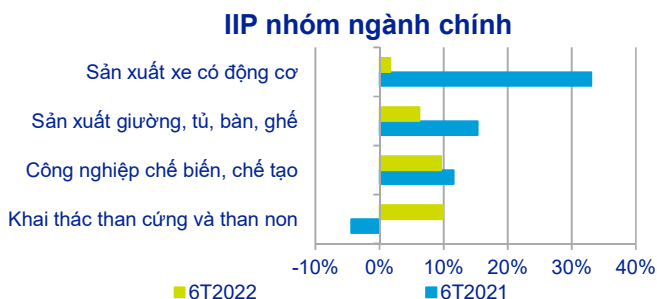
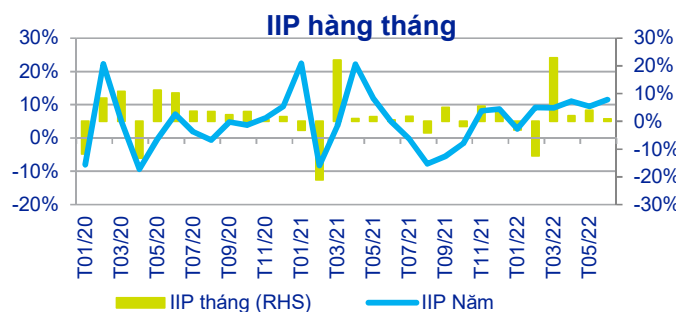
Với tình hình kinh tế vĩ mô gần đây, chúng tôi đã nâng dự phóng tăng trưởng GDP với 2 kịch bản cho GDP trong Q3/2022, Q4/2022 và cả năm 2022:

- (1) Kịch bản tích cực, với giả thuyết tất cả các hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng và khu vực dịch vụ phục hồi hoàn toàn và tăng trưởng trong Q3 và Q4 với sự hỗ trợ của các hoạt động giao thông vận tải vận hành bình thường và hoạt động du lịch quốc tế bùng nổ. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng giả định NHNN sẽ cấp hạn mức tín dụng mới trong Q3/2022. Với những giả định trên, chúng tôi kỳ vọng rằng GDP của Việt Nam trong **Q3/2022 và Q4/2022** sẽ tăng trưởng cao lần lượt là **14,7% n/n và 6,8% n/n**. Do đó, GDP dự báo cho **6 tháng cuối năm 2022 và năm 2022** sẽ lần lượt đạt **10,4% và 8,5% *** (dự báo trước đó: +7,7% n/n và +6,9% n/n).
- (2) Kịch bản thứ hai của chúng tôi là với giả thuyết kém lạc quan hơn, giả định tất cả các hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục hồi phục nhưng tăng trưởng chậm lại và khu vực dịch vụ vẫn chưa phục hồi hoàn toàn và tăng trưởng trong Q3 và Q4. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng giả định NHNN sẽ cấp hạn mức tín dụng mới trong Q4/2022. Với những giả định trên, chúng tôi kỳ vọng rằng GDP của Việt Nam trong **Q3/2022 và Q4/2022** sẽ tăng trưởng cao lần lượt là **10,4% n/n và 4,5% n/n**. Do đó, GDP dự báo cho **6 tháng cuối năm 2022 và năm 2022** sẽ lần lượt đạt **7,1% và 6,8%** (dự báo trước đó: +6,3% n/n và +5,8% n/n).

Số liệu Q3 theo cả hai kịch bản dự kiến sẽ tăng đặc biệt mạnh so với cùng kỳ năm ngoái vì Q3/2021 có mức tăng trưởng GDP âm -6,17% do ảnh hưởng nặng nề từ do nhiều tháng bị đình trệ kéo dài trên khắp Việt Nam dẫn đến kinh tế thu hẹp trước khi bắt đầu phục hồi vào Q4 nhờ các biện pháp giãn cách được dỡ bỏ và các doanh nghiệp bắt đầu trở lại hoạt động bình thường.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Hoạt động sản xuất công nghiệp của Việt Nam tiếp tục hồi phục và tăng trưởng trong Q2/2022

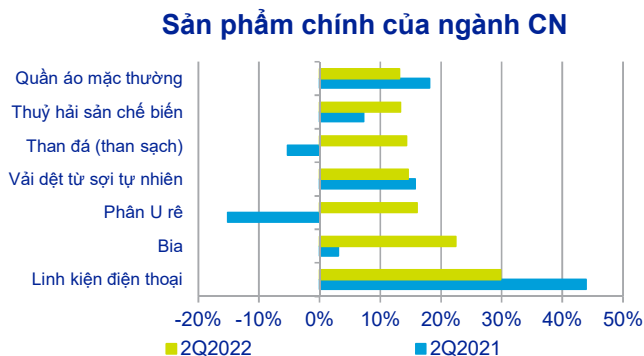
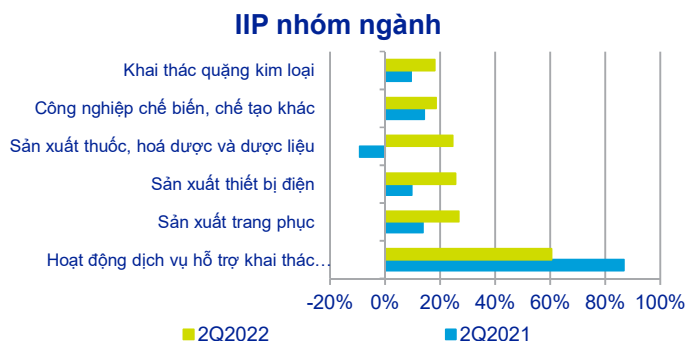


Nguồn: Tổng cục thống kê

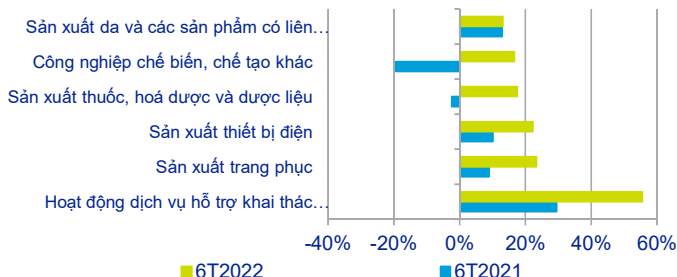
Sau khi chuyển sang chiến lược sống chung với COVID-19, các hoạt động sản xuất công nghiệp trong Q2/2022 tiếp tục hồi phục và tăng trưởng, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong Q2/2022 ghi nhận tăng trưởng 10,83% n/n, dẫn dắt bởi sự tăng trưởng của IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 12,31% n/n. IIP các ngành sản xuất và phân phối điện và IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải cũng lần lượt tăng 4,3% n/n và 6,79% n/n. Thêm vào đó, IIP các ngành khai khoáng tiếp tục tăng 5,02% n/n trong Q2/2022. Tăng trưởng IIP trong Q2/2022 được đóng góp chủ yếu từ ngành hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng (+60,4% n/n), sản xuất trang phục (+26,78% n/n) nhờ nhu cầu xuất khẩu gia tăng (+35,4% n/n), sản xuất thiết bị điện (+25,53% n/n) và sản xuất thuốc, hoá dược & dược liệu (+16,2% n/n).

Nhìn chung, IIP 6T2022 tăng 8,73% n/n, dẫn dắt bởi ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với tăng trưởng 9,66% n/n, IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,03% n/n; IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,08% n/n; và IIP các ngành khai khoáng tăng 3,93%. Tăng trưởng IIP trong 6T2021 được đóng góp chủ yếu từ ngành hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng (+55,47% n/n), sản xuất trang phục (+23,3% n/n) nhờ nhu cầu xuất khẩu gia tăng (+39,6% n/n), sản xuất thiết bị điện (+25,53% n/n) và sản xuất thuốc, hoá dược & dược liệu (+17,51% n/n).

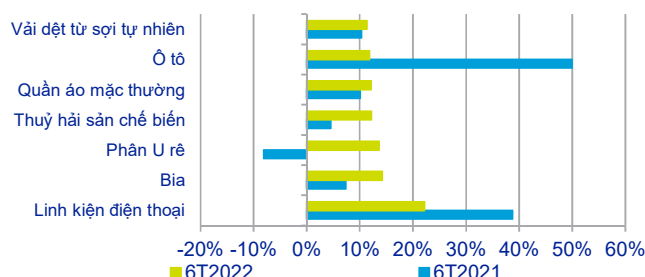
	Q2/2022	Q2/2021	6T22	6T21
IIP	10,83%	12,37%	8,73%	9,27%
Khai khoáng	5,02%	-3,87%	3,93%	-6,00%
<i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng</i>	<i>60,40%</i>	<i>86,72%</i>	<i>55,47%</i>	<i>29,44%</i>
Công nghiệp chế biến, chế tạo	12,31%	14,84%	9,66%	11,55%
<i>Sản xuất trang phục</i>	<i>26,78%</i>	<i>13,79%</i>	<i>23,30%</i>	<i>8,86%</i>
<i>Sản xuất thiết bị điện</i>	<i>25,53%</i>	<i>9,69%</i>	<i>22,23%</i>	<i>10,12%</i>
<i>Sản xuất thuốc, hoá dược & dược liệu</i>	<i>24,61%</i>	<i>-9,12%</i>	<i>17,51%</i>	<i>-2,30%</i>
Sản xuất & phân phối điện	4,30%	12,37%	6,03%	8,60%
Cung cấp nước & xử lý rác thải	6,79%	5,14%	4,08%	6,82%



IIP nhóm ngành



Sản phẩm chính của ngành CN



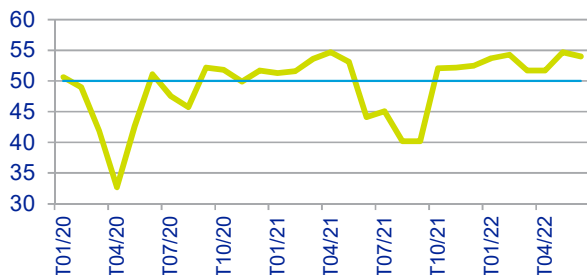
Nguồn: Tổng cục thống kê

Hoạt động sản xuất công nghiệp Việt Nam chậm lại trong T6/2022 nhưng tổng thể Q2/2022 vẫn tiếp tục chỉ báo sự hồi phục

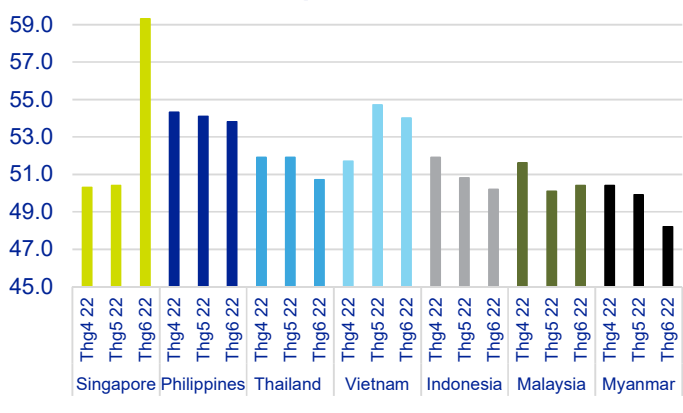
Theo Nikkei Markit, chỉ số PMI T1/2022, T2/2022 và T3/2022 ghi nhận lần lượt 51,7, 54,7 & 54 tiếp tục chỉ báo những dấu hiệu hồi phục của các hoạt động sản xuất công nghiệp khi đợt bùng phát dịch COVID-19 gần đây được kiểm soát và các khu vực công nghiệp lớn tiếp tục tái khởi động lại các hoạt động sản xuất. Theo báo cáo của PMI, sau khi tăng trong T4 và T5, sự hồi phục của các hoạt động công nghiệp đã chậm lại trong T6 nhưng tổng thể sức khỏe khu vực công nghiệp vẫn duy trì tốt. Ngoài ra, các đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng đã khuyến khích các công ty sản xuất mở rộng số lượng lao động trở lại trong T6. Nhìn chung, lĩnh vực sản xuất của Việt Nam kết thúc nửa đầu năm 2022 với các yếu tố cơ bản tốt khi mà lo ngại về dịch COVID-19 đã loại bỏ và các công ty sản xuất Việt Nam tự tin hơn vào triển vọng tăng trưởng trong tương lai.

Chỉ số PMI của Việt Nam duy trì ở vùng mở rộng (>50) trong T6/2022 cùng với Singapore, Philippines, Thailand, Malaysia và Indonesia là những nước báo cáo sự hồi phục của khu vực công nghiệp trong T6/2022. Cụ thể, PMI Singapore (59,3), Philippines (53,8), Thailand (50,7), Indonesia (50,2), Malaysia (50,4), và Myanmar (48,2).

PMI VIỆT NAM



PMI KHU VỰC ASEAN Q2/2022



Nguồn: HIS Markit

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi chuyển sang chiến lược sống chung với COVID-19, các hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục hồi phục và tăng trưởng trong 6T2022. Tuy nhiên, một vài thách thức mà ngành công nghiệp của Việt Nam phải đối mặt trong những quý sắp tới của năm 2022 bao gồm:

- (1) Căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine kéo dài đã khiến giá hàng hóa tăng vọt, đặc biệt là các sản phẩm chính của hai nước này bao gồm dầu, khí đốt, sắt thép, phân bón, than và các sản phẩm nông nghiệp. Tính đến cuối năm 2021, Việt Nam nhập khẩu khoảng 12% than, 10% phân bón và 4% sắt thép từ Nga và hơn 7% lúa mì từ hai nước Nga và Ukraine. Giá than, sắt thép và lúa mì tăng có thể gây áp lực lên giá thành sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, nguồn cung than giảm và giá than tăng có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất điện của Việt Nam trong những tháng tới, và có thể gây ra tình trạng thiếu điện và có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất công nghiệp trong những tháng tới.

- (2) Giá dầu tăng cao và kéo dài cũng tác động trực tiếp đến giá xăng dầu trong nước của Việt Nam và gây áp lực lên chi phí vận tải và sẽ gián tiếp làm tăng áp lực lên giá các nguyên vật liệu sản xuất khác và một lần nữa tác động xấu đến các hoạt động sản xuất công nghiệp;
- (3) Trung Quốc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược không-ca-COVID-19, do đó, việc Trung Quốc đóng cửa các thành phố công nghiệp và tài chính lớn có thể tiếp tục gây sức ép lên chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đang căng thẳng và tiếp tục làm gia tăng chi phí vận chuyển cũng như giá nguyên vật liệu sản xuất, và cuối cùng tiếp tục ảnh hưởng xấu đến hoạt động của ngành công nghiệp trong những tháng sắp tới; và
- (4) Đợt bùng phát COVID-19 lớn có thể gây ra tình trạng thiếu lao động do số ca lây nhiễm tăng cao.

May mắn thay, chúng tôi kỳ vọng rằng một số yếu tố hỗ trợ sẽ thúc đẩy lĩnh vực sản xuất công nghiệp của Việt Nam trong những tháng sắp tới của năm 2022:

- (1) Các nhà sản xuất của Việt Nam vẫn là nhà sản xuất chi phí thấp, sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và với chi phí lao động cạnh tranh so với nhiều nước trong khu vực vẫn hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư và thành lập nhà máy sản xuất, giúp gia tăng các hoạt động sản xuất công nghiệp;
- (2) Việt Nam nổi lên như một trung tâm sản xuất công nghiệp thay thế nhằm bù đắp sản lượng mất mát, do chiến lược không-ca-COVID-19 của Trung Quốc, tiếp tục thúc đẩy phục hồi các hoạt động sản xuất công nghiệp;
- (3) Việt Nam, với một danh sách dài các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã đạt được cho đến nay như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Anh - Việt (UKVFTA), và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất xuất khẩu chi phí thấp; và
- (4) Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2021/NĐ-CP (Nghị định 57), ngày 4/6/2021 Ưu đãi thuế TNDN với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển có liên quan đến cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện cho các ngành sản xuất công nghiệp. Ưu đãi thuế mới dự kiến sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư hơn và tăng cường khả năng cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất chi phí thấp.

Tóm lại, chúng tôi cập nhật dự báo tốc độ tăng trưởng IIP dự kiến trong 2 quý cuối cùng của năm 2022 sẽ rơi vào 2 tình huống:

- (1) Tình huống thứ nhất, chúng tôi giả định rằng hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng trong Q3/2022 và Q4/2022 mặc dù gặp những thách thức trên. Với những giả định lạc quan này, chúng tôi dự báo tăng trưởng IIP cho **Q3/2022 và Q4/2022** sẽ lần lượt đạt khoảng **21,7% n/n và 11,6% n/n**, trong đó **IIP ngành công nghiệp chế biến chế tạo** đạt cao nhất lần lượt là **24% n/n và 12,5% n/n**. Do đó, IIP cho **6 tháng cuối năm 2022 và cả năm 2022** sẽ đạt mức cao nhất lần lượt là **16,6% n/n và 12,7% n/n**.
- (2) Chúng tôi giả định trong kịch bản thứ hai, nhiều yếu tố bất lợi tác động xấu đến hoạt động sản xuất công nghiệp trong Q3/2022 và Q4/2022 làm chậm tăng trưởng IIP trong 6 tháng cuối năm 2022. chúng tôi dự báo tăng trưởng IIP cho Q3/2022 và Q4/2022 sẽ lần lượt đạt khoảng **15,5% n/n và 9,8% n/n**, trong đó **IIP ngành công nghiệp chế biến chế tạo** đạt cao nhất lần lượt là **17% n/n và 11% n/n**. Do đó, IIP cho **6 tháng cuối năm 2022 và cả năm 2022** sẽ đạt mức cao nhất lần lượt là **12,7% n/n và 10,7% n/n**.

Hoạt động thương mại

Tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh

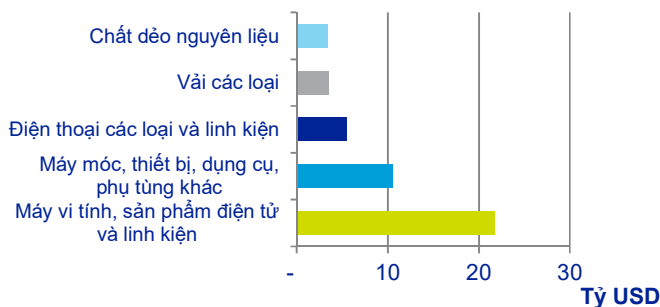
Hoạt động thương mại tiếp tục ổn định trong Q2/2022 với tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ổn định và xuất khẩu cũng hồi phục trong Q2/2022. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tăng 18,8% n/n trong Q2/2022 (sv. +40,2% n/n trong Q2/21), với xuất khẩu trong Q2/2022 đạt 96,9 tỷ USD (+21,2% n/n), trong khi nhập khẩu đạt 97,5 tỷ USD (+16,4% n/n). Việt Nam ghi nhận thâm hụt thương mại tổng cộng 573 triệu USD trong Q2/2022.

Nhìn chung, theo tổng cục thống kê, tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tăng 16,8% n/n trong 6T2022 với xuất khẩu trong 6T2022 đạt 185,9 tỷ USD (+17,4% n/n), trong khi nhập khẩu đạt 185,2 tỷ USD (+16,3% n/n). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại tổng cộng 710 triệu USD trong 6T2022.

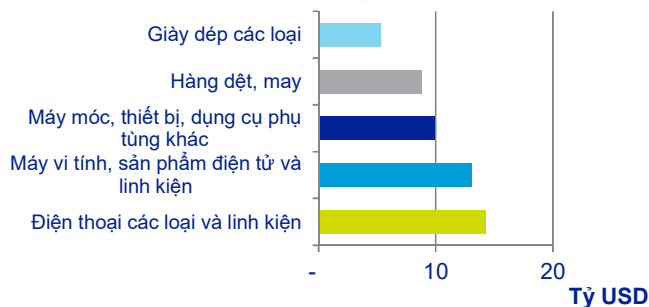
Nhóm hàng xuất khẩu chủ lực trong 6T2022 bao gồm điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; hàng dệt may; và giày dép. Trong khi đó, nhóm hàng nhập khẩu chủ lực trong 6T2022 gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; điện thoại các loại và linh kiện; vải các loại; và chất dẻo nguyên liệu

(Tỷ USD)	Q2/2022	Q2/2022	22 vs 21	6T/2022	6T/2022	22 vs 21
Xuất khẩu	96,9	79,9	21,2%	185,9	158,3	17,4%
Nhập khẩu	97,5	83,7	16,4%	185,2	159,3	16,3%
Xuất khẩu ròng	(0,57)	(3,75)		0,71	(0,99)	
Nhóm hàng XK chủ lực						
Điện thoại các loại và linh kiện	13,71	10,68	28,3%	28,58	25,05	14,1%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	13,82	11,92	16,0%	27,06	23,94	13,0%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	11,34	8,01	41,6%	21,29	17,13	24,3%
Nhóm hàng NK chủ lực						
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	21,73	17,08	27,2%	42,75	33,75	26,7%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	10,57	12,08	-12,6%	22,35	22,94	-2,6%
Điện thoại các loại và linh kiện	5,54	4,21	31,7%	10,30	9,06	13,7%

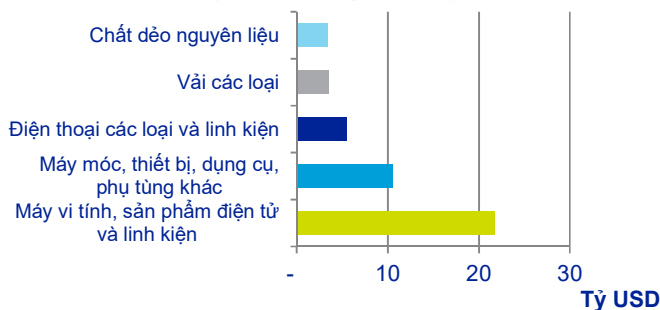
Nhóm hàng NK chủ lực trong 2Q2022



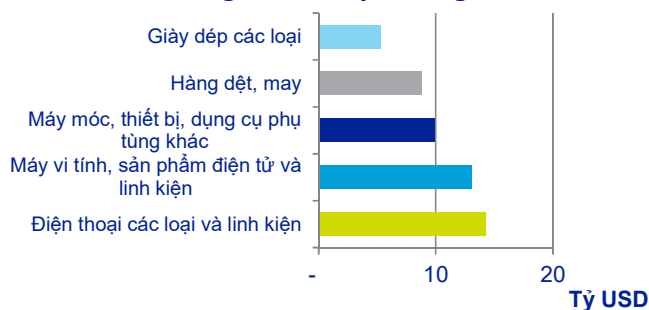
Nhóm hàng XK chủ lực trong 2Q2022



Nhóm hàng NK chủ lực trong 6T2022



Nhóm hàng XK chủ lực trong 6T2022



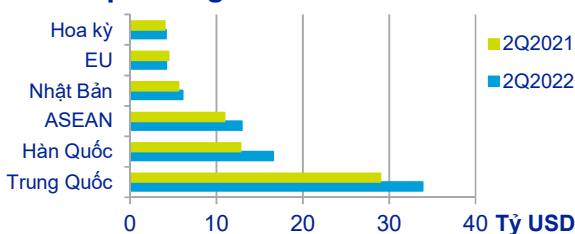
Nguồn: Hải quan Việt Nam và TCTK

Trong Q2/2022, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 29,9 tỷ USD (+28,1% n/n). Đối tác lớn thứ hai, Trung Quốc, ghi nhận 13,1 tỷ USD (+43,3% n/n) và đối tác lớn thứ ba EU đạt 12,8 tỷ USD (+7,2% n/n). Trong khi đó, Trung

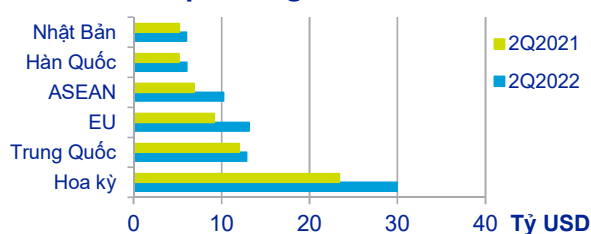
Quốc vẫn là nước nhập khẩu hàng đầu vào Việt Nam trong Q2/2022 với kim ngạch đạt 33,8 tỷ USD (+16,9% n/n), tiếp theo là Hàn Quốc (16,5 tỷ USD, +29,3% n/n) và ASEAN (12,9 tỷ USD, +18,0% n/n).

Nhìn chung, trong 6T2022, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 55,9 tỷ USD (+22,5% n/n). Đối tác lớn thứ hai, Trung Quốc, ghi nhận 26,3 tỷ USD (+7,1% n/n) và đối tác lớn thứ ba EU đạt 23,6 tỷ USD (+28,7% n/n). Trong khi đó, Trung Quốc vẫn là nước nhập khẩu hàng đầu vào Việt Nam trong 6T2022 với kim ngạch đạt 61,3 tỷ USD (+15,0% n/n), tiếp theo là Hàn Quốc (33,3 tỷ USD, +30,9% n/n) và ASEAN (24,5 tỷ USD, +15,7% n/n).

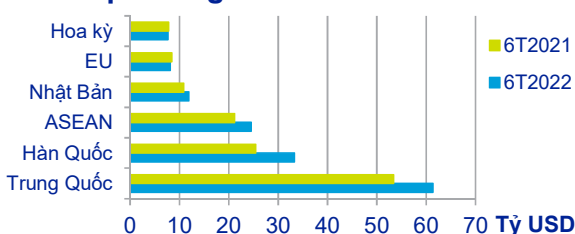
Thị trường NK lớn nhất



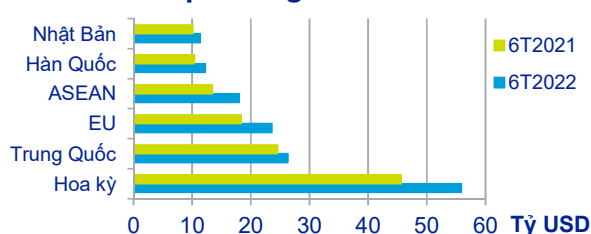
Thị trường XK lớn nhất



Thị trường NK lớn nhất



Thị trường XK lớn nhất



Nguồn: Hải quan Việt Nam và TCTK

NHẬN ĐỊNH:

Xuất khẩu vẫn là động lực tăng trưởng kinh tế chính của đất nước khi các hoạt động sản xuất dần phục hồi và kim ngạch xuất khẩu dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang dần phục hồi. Chúng tôi kỳ vọng rằng các hoạt động thương mại sẽ tiếp tục gia tăng trong năm 2022 nhờ những yếu tố hỗ trợ:

- (1) Việt Nam sẽ tiếp tục là một trung tâm sản xuất thay thế cho các nhà sản xuất chuyển các hoạt động sản xuất ra khỏi Trung Quốc trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn chưa có hồi kết nhờ các chính sách thân thiện với nhà đầu tư, môi trường kinh doanh năng động, môi trường chính trị tương đối ổn định, chi phí thấp và thị trường tiêu dùng năng động;
- (2) Việt Nam, với một danh sách dài các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã đạt được cho đến nay như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Anh - Việt (UKVFTA), và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất xuất khẩu chi phí thấp;
- (3) Năm 2020, Nga nằm trong số các nhà xuất khẩu cá đông lạnh hàng đầu sang EU, do đó, căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine có thể là cơ hội để Việt Nam giành thị phần xuất khẩu của Nga trong EU nhờ Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) với EU;
- (4) Căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine và chính sách hạn chế xuất khẩu của các nước xuất khẩu lương thực & thực phẩm lớn tạo cơ hội cho nhiều nông sản Việt Nam tiếp tục giành thị phần xuất khẩu trên toàn cầu, đặc biệt là tại Anh và EU với các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) của chúng tôi với EU và Anh. Cụ thể, theo báo cáo thống kê của Bộ Công Thương, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 13,08 tỷ USD trong 5T2022 (+20,3% YoY và chiếm 8,5% tổng kim ngạch xuất khẩu).

Tuy nhiên, một số thách thức gần đây đối với hoạt động thương mại của Việt Nam có thể phải đối mặt trong các quý sắp tới của năm 2022 bao gồm:

- (1) Căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine có thể không ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động thương mại của chúng ta nhưng sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến chúng ta thông qua sự gián đoạn chuỗi cung ứng và chi phí vận chuyển tăng

cao, do đó sẽ làm tổn hại đến các hoạt động thương mại của chúng ta khi xuất khẩu vẫn là động lực tăng trưởng kinh tế chính của Việt Nam;

- (2) Trung Quốc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược không-ca-COVID-19, do đó với việc xét nghiệm hàng loạt và giãn cách xã hội khi số ca gia tăng. Chiến lược này có thể tiếp tục gây sức ép lên chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đang căng thẳng và tiếp tục làm gia tăng chi phí vận chuyển và cuối cùng tiếp tục ảnh hưởng xấu đến hoạt động của ngành công nghiệp trong những tháng sắp tới;
- (3) Việc giá xăng tăng cao chưa từng có và kéo dài (do giá dầu tăng cao) đã ảnh hưởng đến cả xuất khẩu và nhập khẩu. Giá xăng dầu tăng cao khiến số lượng tàu thuyền đánh bắt cá biển neo đậu tăng cao, gây thiếu nguyên liệu cho ngành chế biến thủy sản xuất khẩu, từ đó có thể làm chậm kim ngạch xuất khẩu trong nửa cuối năm 2022 của ngành thủy sản;
- (4) Hiện Mỹ chiếm 50,5% lượng hàng may mặc xuất khẩu từ Việt Nam, tuy nhiên lạm phát gia tăng có thể khiến nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng thời trang quần áo của Mỹ giảm và cũng có thể ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu của chúng ta;
- (5) Thiếu container và giá cước vận tải biển tăng cao cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động XNK trong các quý sắp tới;
- (6) Việt Nam vẫn đang vấp phải một số cuộc điều tra chống bán phá giá từ Hàn Quốc (ống đồng đúc từ Việt Nam), Úc (hợp chất amoni nitrat từ Việt Nam). Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng đã khởi xướng một cuộc điều tra về thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với tủ gỗ của Việt Nam và gia hạn một cuộc điều tra khác về hành vi lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với ống thép từ Việt Nam. Những điều trên có thể cản trở hoạt động kinh doanh của chúng tôi trong Q3 và Q4/2022.

Xuất khẩu, chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp FDI, vẫn là động lực tăng trưởng kinh tế chính của Việt Nam. Do đó, cùng với sự phát triển của tăng trưởng IIP mà chúng tôi đã dự báo ở trên, chúng tôi cũng cập nhật và kỳ vọng rằng các hoạt động thương mại sẽ tuân theo hai kịch bản:

- (1) Với giả định lạc quan IIP của ngành sản xuất trong kịch bản lạc quan, chúng tôi kỳ vọng cán cân thương mại có thể thặng dư trong **Q3/2021 và Q4/2022**, lên tới **2 tỷ USD mỗi quý**. Do đó, trong **cả năm 2022**, cán cân thương mại sẽ có thể đạt **thặng dư cao tới 4 tỷ USD**.
- (2) Trong kịch bản kém lạc quan hơn, dựa trên các giả định về tăng trưởng IIP trong kịch bản kém lạc quan ở trên, chúng tôi dự báo cán cân thương mại trung lập trong **Q3/2022 và Q4/2022**, và cán cân thương mại cho **cả năm 2022** có thể kết thúc **thặng dư cao nhất đạt 1 tỷ USD**.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

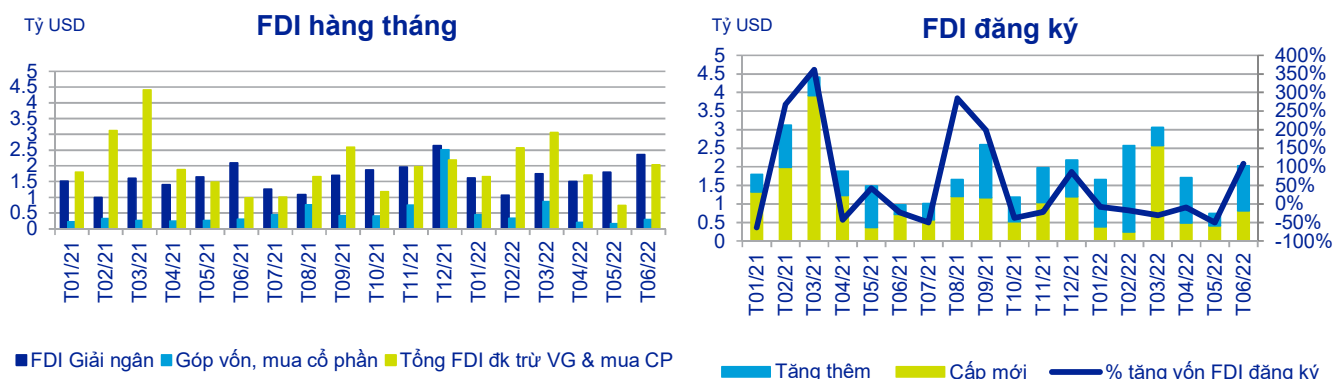
FDI giải ngân tăng mạnh và vốn FDI đăng ký hồi phục Q2/2022

Vốn FDI giải ngân trong Q2/2022 đạt 5,6 tỷ USD (+9,7% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong Q2/2022 tăng nhẹ 3,22% so với cùng kỳ, đạt 4,5 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần giảm 20% n/n, đạt 640 triệu USD

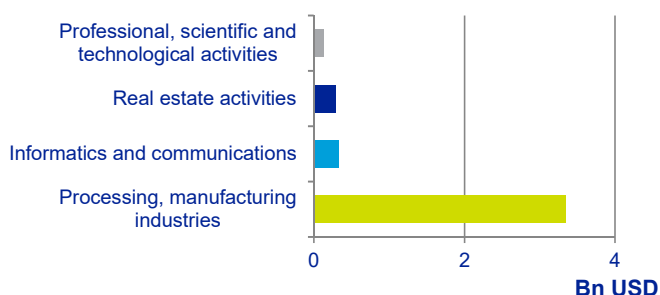
Top 3 đối tác đầu tư vốn FDI vào Việt Nam trong 2021 gồm Singapore (1,8 tỷ USD, +99,3% n/n), Hàn Quốc (914 triệu USD, +56,6% n/n) và Nhật Bản (402 triệu USD, +38,7% n/n). Ngoài ra, Top 3 lĩnh vực thu hút vốn đăng ký FDI hàng đầu của Việt Nam trong Q2/2022 là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (3,3 tỷ USD, 75% tổng vốn FDI đăng ký), lĩnh vực thông tin và truyền thông (329 triệu USD, 3% tổng vốn FDI đăng ký), lĩnh vực bất động sản (294 triệu USD, 2,5 % tổng vốn FDI đăng ký).

Nhìn chung, vốn FDI giải ngân trong 6T2022 đạt 10,0 tỷ USD (+8,9% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong 6T2022 tăng 7,1% so với cùng kỳ, đạt 11,8 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần tăng 82% n/n, đạt 2,3 USD.

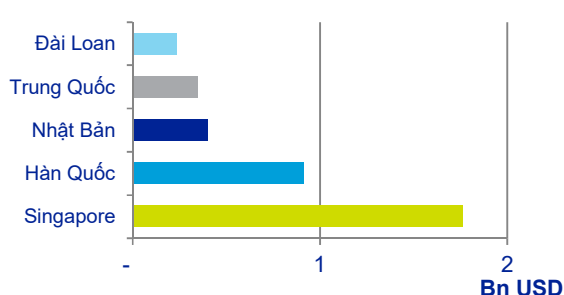
Top 3 đối tác đầu tư FDI hàng đầu của Việt Nam đã đăng ký trong 6T2022 là Singapore (3,5 tỷ USD, -32,5% YoY), Hàn Quốc (2,4 tỷ USD, + 42,6% YoY) và Đan Mạch (1,3 tỷ USD, + 11x YoY). Ngoài ra, Top 3 lĩnh vực thu hút vốn đăng ký FDI hàng đầu của Việt Nam trong 6T2022 là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (8,3 tỷ USD, 71% tổng vốn FDI đăng ký), lĩnh vực bất động sản (2,0 tỷ USD, 17% tổng vốn FDI đăng ký), lĩnh vực thông tin và truyền thông (376 triệu USD, 3,2% tổng vốn FDI đăng ký).



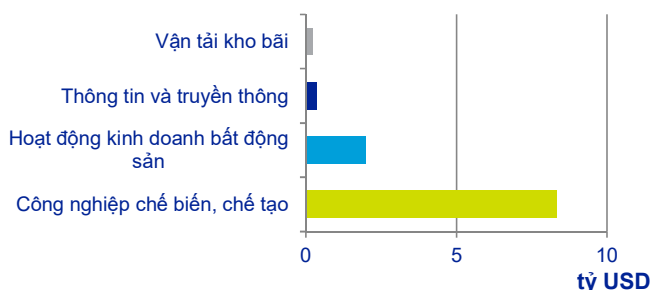
FDI nhóm ngành Q2/2022



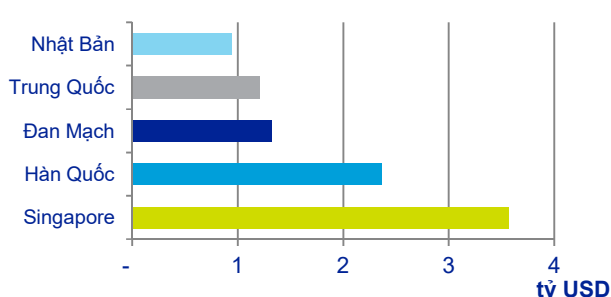
FDI đối tác Q2/2022



FDI nhóm ngành 6T2022



FDI đối tác 6T2022



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi tiếp tục lạc quan về dòng vốn FDI sẽ tiếp tục đổ mạnh vào Việt Nam trong năm 2022 nhờ:

- (1) Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn tiếp tục diễn ra và đẩy mạnh làn sóng đa dạng hóa hoạt động sản xuất của các công ty đa quốc gia sang các khu vực khác của châu Á (bao gồm cả Việt Nam) vẫn đang tiếp tục diễn ra không chỉ để giảm thiểu tác động của cuộc chiến thương mại mà còn để cắt giảm chi phí sản xuất;
- (2) Việt Nam nổi lên như một trung tâm sản xuất công nghiệp thay thế nhằm bù đắp sản lượng mất mát, do chiến lược không-ca-COVID-19 của Trung Quốc, tiếp tục thúc đẩy phục hồi các hoạt động sản xuất công nghiệp
- (3) Việt Nam, với một danh sách dài các hiệp định thương mại tự do (FTA), tình hình vĩ mô ổn định và giá nhân công cạnh tranh hơn trong khu vực có thể trở thành địa điểm lý tưởng để các công ty dịch chuyển nhà máy của họ sang; và
- (4) Các ưu đãi về pháp luật và thuế đối với các ngành công nghiệp hỗ trợ liên quan đến cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện cho các ngành công nghiệp sản xuất sẽ tiếp tục thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiếp tục phục hồi sau khi các hoạt động kinh tế được khởi động lại trong Q4/2021

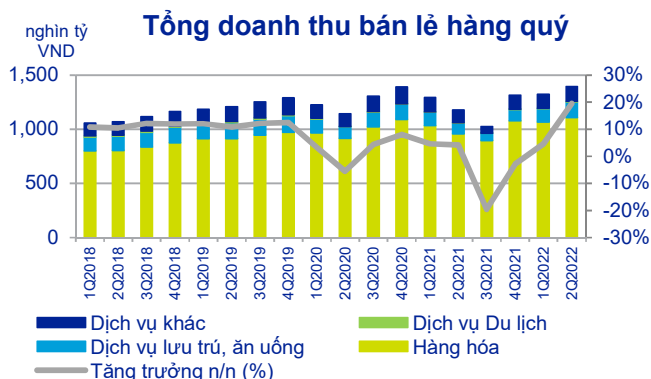
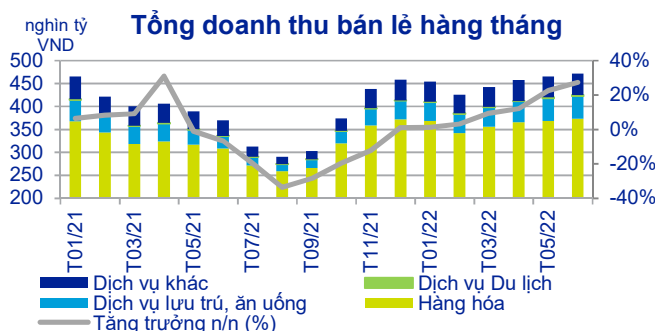
Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng dần hồi phục trong Q2/2022 sau khi chính phủ chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ Q2/2022 đạt 1.395 nghìn tỷ đồng, tăng 19,46% so với cùng kỳ (sv +4,14% n/n trong Q2/21).

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa trong Q1/2022 hồi phục khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng tại các khu vực kinh tế trọng điểm trải khắp đất nước giúp phục hồi lực cầu nội địa và kéo doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 16,73% n/n trong Q2/2022, đạt 1.108 nghìn tỷ đồng.

Doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống trong Q2/2022 tiếp tục hồi phục khi lực cầu nội địa phục hồi và khách du lịch quốc tế bắt đầu quay trở lại trong Q2/2022 khi Việt Nam mở cửa cho du lịch quốc tế trở lại vào 15/03 (số lượng khách nước ngoài đến Việt Nam trong Q2/22 đạt có 511 nghìn người +1.173% n/n). Cụ thể doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 143 nghìn tỷ đồng trong Q2/2022, tăng 44,21% n/n (sv. -2,95% n/n trong Q2/21)

Trong suốt Q2/2022, các hoạt động du lịch quốc tế có dấu hiệu phục hồi khi chính phủ Việt Nam đã dỡ bỏ các hạn chế về tần suất các chuyến bay quốc tế từ 15/02 và dỡ bỏ các biện pháp cách ly y tế & mở cửa trở lại cho du lịch quốc tế bắt đầu từ ngày 15/03 (số lượng khách nước ngoài đến Việt Nam trong Q2/22 đạt có 511 nghìn người +1.173% n/n). Bên cạnh đó, nhu cầu du lịch nội địa gia tăng trong Q2/2022, đặc biệt trong dịp lễ Ngày giải phóng miền Nam và Quốc tế Lao động (30/04 và 1/5) gần đây. Cụ thể, ngành dịch vụ du lịch tăng 312,63% so với cùng kỳ năm ngoái trong Q2/2022, đạt 5,5 nghìn tỷ đồng (sv. -8,63% n/n trong Q2/21).

Nhìn chung, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong 6T2022 tăng 11,71% n/n, với doanh thu bán lẻ từ dịch vụ du lịch hồi phục mạnh mẽ và tăng mạnh 94,41% n/n trong 6T2021. Doanh thu bán lẻ hàng hóa 6T2022 đạt 2.174 nghìn tỷ đồng, tăng 11,27% so với cùng kỳ.



	Q2/22	Q2/21	6T22	6T21
Tổng doanh thu bán lẻ	19,46%	4,14%	11,71%	4,20%
Hàng hóa	16,73%	5,26%	11,27%	5,27%
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	44,21%	-2,95%	20,89%	-2,35%
Dịch vụ Du lịch	312,63%	-8,63%	94,41%	-53,74%
Dịch vụ khác	17,23%	1,82%	5,56%	4,34%

Nguồn: Tổng cục thống kê

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi kỳ vọng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sẽ tiếp tục phục hồi trong hai quý cuối năm 2022, được hỗ trợ bởi:

- (1) sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành dịch vụ sau khi được phép mở cửa lại các loại hình kinh doanh dịch vụ đến từ (1) cải thiện nhu cầu tiêu dùng nội địa sau khi dịch COVID-19 kiểm soát, (2) mở cửa các hoạt động du lịch quốc tế và (3) và các hoạt động giao thông vận tải trở lại vận hành bình thường giúp thúc đẩy hoạt động thương mại, đặc biệt là xuất khẩu từ khu vực FDI.

- (2) Chính phủ mở cửa trở lại đón khách du lịch quốc tế từ ngày 15/03, điều này thúc đẩy du lịch quốc tế và do đó sẽ giúp tăng doanh thu bán lẻ từ dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch trong hai quý cuối năm 2022.

Chúng tôi cũng cập nhật dự báo tăng trưởng doanh số bán lẻ trong hai kịch bản trong nửa cuối năm 2022:

- (1) Trong kịch bản đầu tiên, chúng tôi giả định rằng nhu cầu tiêu dùng nội địa của chúng ta sẽ tiếp tục tăng trưởng và được hỗ trợ bởi nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ cao trong hai quý cuối năm 2022 và nhu cầu tiêu thụ bổ sung mạnh mẽ từ du khách nước ngoài sau khi mở cửa trở lại đón khách du lịch quốc tế. Với kịch bản này, chúng tôi dự báo tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sẽ tăng gần **36,5% n/n trong nửa cuối năm 2022** và cho cả năm **2022** sẽ đạt mức tăng trưởng **22,9% n/n**.
- (2) Kịch bản thứ hai, chúng tôi giả định rằng nhu cầu tiêu dùng nội địa của chúng tôi sẽ vẫn duy trì mức này và nhu cầu bổ sung đến từ du khách nước ngoài không cao như mức trước dịch. Với kịch bản này, chúng tôi dự báo tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sẽ tăng gần **25,9% trong nửa đầu năm 2022**, và cho cả năm **2022** sẽ đạt **17,9%**.

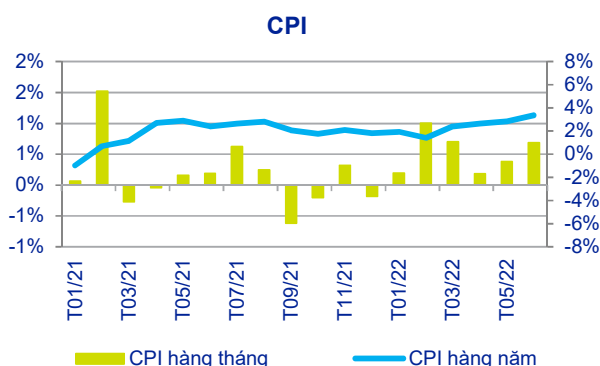
Chỉ số giá tiêu dùng

Lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, và vẫn thấp so với mục tiêu lạm phát 4% của chính phủ

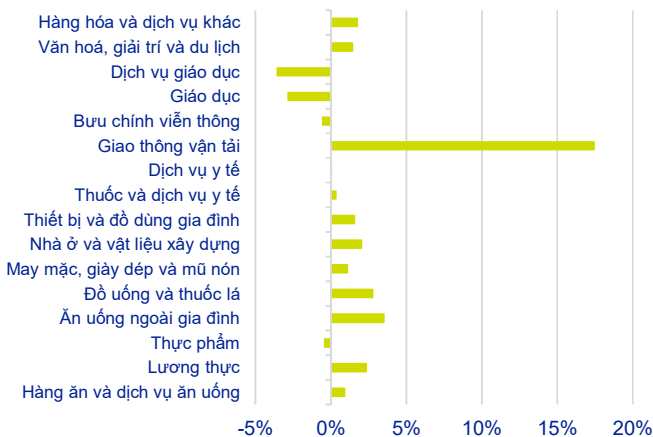
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình Q2/2022 tăng 2,96% so với trung bình năm Q2/2021. Nhìn chung, CPI trung bình 6T2022 tăng 2,44% so với trung bình 6T2021 do:

- (1) Nhóm giao thông vận tải tăng mạnh nhất với mức tăng 17,4%, chủ yếu do tác động của điều chỉnh tăng 51,8% giá xăng so với cùng kỳ năm 2021.
- (2) Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 3,5% n/n, chủ yếu do nhu cầu tăng mạnh sau khi dịch COVID-19 được kiểm soát, giá bán lẻ gas cao (+25,9% n/n) và chi phí vận chuyển gia tăng;
- (3) Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,8%, chủ yếu do tác động tăng hơn 1,0% n/n của giá bán lẻ rượu, bia, thức uống không cồn và thuốc lá;
- (4) Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,0% n/n, chủ yếu do giá bán lẻ gas tăng 25,9% n/n và giá các vật liệu bảo dưỡng nhà (sắt, thép, xi măng...) tăng hơn 7,95% n/n; và
- (5) Phân nhóm lương thực tăng 2,3% n/n chủ yếu do giá gạo bán lẻ tăng (+1,09% n/n).

Ngoài ra, lạm phát cơ bản trung bình 6T2022 tăng 1,25% n/n.



CPI trung bình nhóm ngành 6T2022



Nguồn: Tổng cục thống kê

NHẬN ĐỊNH:

Theo chúng tôi, CPI Việt Nam trong những quý sắp tới của năm 2022 sẽ chịu áp lực từ:

- (1) căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine đã khiến hàng hóa tăng vọt, đặc biệt là các sản phẩm chính của hai nước này bao gồm dầu, khí đốt, sắt thép, phân bón, than và các sản phẩm nông nghiệp. Phân bón tăng có thể gây áp lực tăng giá đối với các mặt hàng lương thực của chúng ta và các sản phẩm nông nghiệp tăng giá có thể gây áp lực tăng giá thức ăn chăn nuôi và do đó sẽ ảnh hưởng đến giá các loại thịt gia cầm và gia súc. Và nhóm ngành lương thực và thực phẩm bị gia tăng áp lực lạm phát trong những quý sắp tới của năm 2022;
- (2) Giá dầu leo thang gần đây do ảnh hưởng của việc nối lại các hoạt động sản xuất sau COVID-19 và căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine. Giá dầu tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá xăng dầu trong nước của Việt Nam và gây áp lực tăng đối với ngành giao thông vận tải và gián tiếp tạo áp lực tăng lên giá của các mặt hàng khác thuộc các nhóm khác nhau trong rổ tính CPI;
- (3) Giá gas bán lẻ cũng tăng theo giá dầu thế giới và cũng sẽ gây áp lực tăng trực tiếp lên nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó, giá xăng và giá gas cũng có tác động gián tiếp lên CPI nhóm ăn uống ngoài gia đình làm tăng chi phí vận chuyển và chi phí sử dụng dịch vụ ăn uống ngoài;
- (4) Trung Quốc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược không-ca-COVID-19, do đó với việc xét nghiệm hàng loạt và giãn cách xã hội khi số ca gia tăng. Chiến lược này có thể tiếp tục gây sức ép lên chuỗi cung ứng trong những tháng sắp tới và gia tăng áp lực lạm phát trong 6 tháng cuối năm 2022.

Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng áp lực gia tăng lạm phát sẽ được bù trừ hoàn toàn hoặc một phần nhờ các yếu tố sau:

- (1) Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, đặc biệt là giá lương thực, sẽ ít biến động hơn do năng suất thịt heo đã phục hồi nhờ dịch tả lợn Châu Phi đã được kiểm soát và đàn lợn của Việt Nam dần hồi phục, và nguồn cung các loại lương thực, thực phẩm khác sẽ không bị gián đoạn do thiếu cung hoặc nhu cầu đột biến tăng mạnh hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng hoặc công suất sản xuất thấp;
- (2) Giá dầu dự kiến sẽ ổn định xung quanh mức hiện tại trong sáu tháng cuối năm 2022. Bên cạnh đó chúng tôi cũng kỳ vọng giá bán lẻ xăng dầu cũng sẽ ổn định trong sáu tháng cuối năm 2022.

Nhìn chung, chúng tôi điều chỉnh nhẹ kỳ vọng **CPI năm 2022** sẽ tăng trong khoảng **3,5% - 4,1%** (sv. mức của 3,0% - 3,5%) và vẫn nằm xung quanh mục tiêu 4% của Chính phủ.

Tóm tắt dự phóng vĩ mô

Kịch bản lạc quan

Giả định chính:

+ Kinh tế vẫn tăng trưởng mạnh.

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng tốc trong Q3 và Q4.
- Hoạt động công nghiệp tiếp tục tăng tốc trong Q3 và Q4/2022.
- Lĩnh vực dịch vụ phục hồi hoàn toàn trong Q3 và Q4/2022 nhờ các hoạt động giao thông vận tải trở lại vận hành bình thường, nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng và du lịch quốc tế tăng mạnh.
- Lạm phát đạt đỉnh và duy trì ở mức này cho đến hết nửa cuối năm 2022.

+ **Chính sách tài khóa:** gói hỗ trợ tài khóa, tiền tệ ước tính khoảng 337 nghìn tỷ đồng, đặc biệt là gói phát triển cơ sở hạ tầng (113,85 nghìn tỷ đồng) sẽ sớm được giải ngân trong Q3 và Q4/2022.

+ Chính sách tiền tệ:

- NHNN sẽ cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng mới trong Q3/2022.
- Chính sách tiền tệ có xu hướng tiếp tục được mở rộng để hỗ trợ sự phục hồi kinh tế
- NHNN có thể sẽ điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản từ đây cho đến hết năm 2022 tối đa 50 điểm phần trăm (+0.5%).

+ **COVID-19:** không bùng phát dịch COVID-19 ở các thành phố lớn.

GDP		IIP		XNK	FDI	Doanh thu bán lẻ		CPI
2H2022	FY2022	2H2022	FY2022	FY2022	FY2022	2H2022	FY2022	FY2022
%	%	%	%	Tỷ USD	Tỷ USD	%	%	%
10,4%	8,5%	16,6%	12,7%	N: 390 X: 394 Xuất siêu: 4	Giải ngân: 21,5 Đăng ký: 26,0	36,5%	22,9%	3,5%

Kịch bản kém lạc quan

Giả định chính:

+ Tăng trưởng kinh tế chậm lại trong Q3 và Q4.

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng
- Hoạt động công nghiệp tiếp tục phục hồi nhưng tốc độ phục hồi chậm do nhu cầu toàn cầu suy yếu.
- Khu vực dịch vụ không thể phục hồi hoàn toàn trong hai quý cuối năm 2022.
- Lạm phát tăng nhẹ trong nửa cuối năm 2022 nhưng vẫn ở mức 4%.

+ **Chính sách tài khóa:** gói hỗ trợ tài khóa, tiền tệ ước tính khoảng 337 nghìn tỷ đồng, đặc biệt là gói phát triển cơ sở hạ tầng (113,85 nghìn tỷ đồng) sẽ sớm được giải ngân nhưng chậm và có thể kéo dài đến Q4/2022.

+ Chính sách tiền tệ:

- NHNN sẽ cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng mới trong Q4/2022.
- Chính sách tiền tệ có xu hướng tiếp tục được mở rộng để hỗ trợ sự phục hồi kinh tế.
- NHNN có thể sẽ điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản từ đây cho đến hết năm 2022 từ 50 – 75 điểm phần trăm (+0,5% - 0,75%).

+ **COVID-19:** bùng phát nhẹ tại các thành phố lớn.

GDP		IIP		XNK	FDI	Doanh thu bán lẻ		CPI
2H2022	FY2022	2H2022	FY2022	FY2022	FY2022	2H2022	FY2022	FY2022
%	%	%	%	Bn USD	Bn USD	%	%	%
7,1%	6,8%	12,7%	10,7%	N: 382 X: 383 Xuất siêu: 1	Giải ngân: 20,5 Đăng ký: 25,0	25,9%	17,9%	4,1%

Dữ liệu kinh tế - Việt Nam

Dữ liệu hàng tháng	T07/21	T08/21	T09/21	T10/21	T11/21	T12/21	T01/22	T02/22	T03/22	T04/22	T05/22	T06/22
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	-0,35%	-7,77%	-5,53%	-1,59%	8,15%	8,67%	2,8%	9,2%	8,5%	9,1%	11,1%	9,5%
<i>Khai khoáng</i>	-10,92%	-2,81%	-7,10%	-7,18%	6,18%	-7,14%	-1,7%	2,2%	2,7%	7,5%	7,9%	3,9%
<i>Chế biến, chế tạo</i>	0,70%	-9,28%	-4,86%	-1,59%	8,55%	10,94%	2,9%	9,7%	9,6%	9,7%	11,7%	11,0%
<i>Sản xuất và phân phối điện</i>	1,66%	-1,86%	-9,65%	2,36%	6,85%	9,12%	5,2%	11,9%	4,8%	6,5%	8,6%	2,3%
<i>Cung cấp nước, xử lý rác thải</i>	0,98%	-0,14%	-2,04%	1,45%	0,43%	0,77%	4,1%	4,3%	8,5%	-4,6%	2,7%	9,4%
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)	45,1	40,2	40,2	52,1	52,2	52,5	53,7	54,3	51,7	51,7	54,7	54,0
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	-19,80%	-33,70%	-28,41%	-19,52%	-12,24%	1,06%	1,26%	3,09%	9,44%	12,10%	22,55%	27,31%
CPI (t/t)	0,62%	0,25%	-0,62%	-0,20%	0,32%	-0,18%	0,19%	1,00%	0,70%	0,18%	0,38%	0,69%
CPI (n/n)	2,64%	2,82%	2,06%	1,77%	2,10%	1,81%	1,94%	1,42%	2,41%	2,64%	2,86%	3,37%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	27.865	27.228	27.026	28.871	31.868	34.517	30.845	23.417	34.061	33.317	30.918	32.646
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	29.112	27.338	26.666	26.133	30.610	31.975	29.449	25.381	32.672	32.468	32.616	32.370
Cán cân thương mại (triệu USD)	(1.247)	(109)	360	2.738	1.258	2.542	1.395	(1.964)	1.389	849	(1.698)	276
FDI giải ngân (triệu USD)	1.007	1.658	2.594	1.870	1.950	2.640	1.612	1.068	1.740	5.920	7.710	10.060
FDI đăng ký (triệu USD)	1.260	1.080	1.700	1.184	1.972	2.180	1.658	2.568	3.054	8.986	9.728	11.760

Dữ liệu hàng quý	Q3 2020	Q4 2020	Q1 2021	Q2 2021	Q3 2021	Q4 2021	Q1 2022	Q2 2022
GDP (n/n)	2,69%	4,48%	4,48%	6,61%	-6,17%	5,22%	5,05%	7,72%
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	2,79%	4,69%	3,16%	4,11%	1,04%	3,16%	2,53%	3,02%
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	3,20%	5,60%	6,30%	10,28%	-5,02%	5,61%	6,41%	8,87%
<i>Dịch vụ</i>	2,80%	4,29%	3,34%	4,30%	-9,28%	5,42%	4,64%	8,56%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	1,80%	6,31%	5,70%	13,01%	-4,36%	6,37%	6,81%	10,83%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	4,38%	8,04%	5,10%	5,10%	-28,27%	-2,83%	4,44%	19,46%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	202.860	281.471	77.344	157.630	240.524	336.250	88.579	96.832
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	185.870	262.407	75.308	159.103	242.655	332.250	87.770	97.581
Cán cân thương mại (triệu USD)	16.990	19.064	2.036	(1.473)	(2.131)	4.000	890	(750)
FDI giải ngân (triệu USD)	4.800	5.110	4.100	5.140	5.259	6.460	4.420	5.640
FDI đăng ký (triệu USD)	5.564	3.316	9.235	4.340	4.040	5.336	7.280	4.480

Dữ liệu hàng năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	F2022
GDP (n/n)	5,42%	5,98%	6,68%	6,21%	6,81%	7,08%	7,02%	2,91%	2,58%	6,8% - 8,5%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	5,9%	7,6%	9,8%	7,5%	11,3%	10,2%	8,9%	3,4%	4,8%	10,7% - 12,7%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	10%	12%	11%	11%	10%	11,7%	12,0%	2,62%	-2,83%	17,9% - 22,9%
CPI (n/n)	6,6%	4,1%	0,6%	2,7%	3,5%	3,5%	2,8%	3,23%	-3,8%	3,5% - 4,1%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	132.175	150.042	162.439	175.942	213.770	244.723	264.341	281.471	336.250	383.000 - 394.000
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	131.312	148.058	165.609	173.262	211.096	237.512	253.919	262.407	332.250	382.000 - 390.000
Cán cân thương mại (triệu USD)	862	1.984	(3.170)	2.680	2.674	7.211	10.400	19.064	4.000	1.000 - 4.000
FDI giải ngân (tỷ USD)	11,50	12,35	14,50	15,80	17,50	19,10	20,38	19,98	19,74	21,50
FDI đăng ký (tỷ USD)	22,30	21,92	22,76	24,37	35,88	35,47	22,55	21,06	24,26	26,00

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

41, Mạc Đĩnh Chi Q.1, TPHCM
Tel: (+84 28) 3823 4159
Fax: (+84 28) 3823 5060

Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9395
Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Phó phòng Phân tích

Nguyễn Bình Thanh Giao
(+84 28) 3823 4159 (ext: 250)
giaonbt@acbs.com.vn

TBP – Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc
(+84 28) 3823 4159 (ext: 303)
trucptt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Truyền thông

Trần Nhật Trung
(+84 28) 3823 4159 (ext: 351)
trungtn@acbs.com.vn

CVPT – Vật liệu xây dựng

Huỳnh Anh Huy
(+84 28) 3823 4159 (ext: 325)
huyha@acbs.com.vn

TBP – Tài chính ngân hàng

Cao Việt Hùng, CFA
(+8428) 3823 4159 (ext: 326)
hungcv@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng
(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)
hungpv@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Lương Duy Phước
(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)
phuocld@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi
(+84 28) 3823 4159 (ext: 327)
chiltk@acbs.com.vn

CVPT – Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh
(+84 28) 3823 4159 (ext: 352)
minhtvh@acbs.com.vn

CVPT – Vĩ mô

Nguyễn Thị Hòa
(+84 28) 3823 4159 (ext: 352)
hoant@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Giám đốc Khối Khách hàng Định chế

Tyler Cheung
(+84 28) 38 234 876
tyler@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận - GDKHĐC

Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 3824 6679
huongctk@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHĐC

Trần Thị Thanh
(+84 28) 3824 7677
thanhtt@acbs.com.vn

NV Hỗ trợ khách hàng

Lê Nguyễn Tiến Thành
(+84 28) 3823 4798
thanhln@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Lý Ngọc Dung
(+84 28) 3823 4159 (ext: 313)
dungln.hso@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Nguyễn Phương Nhi
(+84 28) 3823 4159 (ext: 315)
nhinp@acbs.com.vn

KHUYẾN CÁO

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày ở đây.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào. ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2022). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.